

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-40cm và cao hơn TBNN từ 40-60cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 20/5 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 35-45cm và cao hơn TBNN từ 55-75cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 20/5 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm, có trạm trên 20-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống nhanh, đỉnh triều trạm Xẻo Rô trên BĐI là 01cm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên nhanh trong 1-2 ngày đầu, sau giảm chậm.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế xuống chậm theo triều tới ngày 25/5
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 22/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 20/05		So với 19/05		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									21/05	22/05	23/05	24/05	25/05
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	143	1	▲	29	▲	45	▲	140	135	130	127	125
					Hmin	-27	4	▲	8	▲	-22	▼	-20	-19	-18	-12	-4
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	153	1	▲	34	▲	58	▲	150	145	140	137	135
					Hmin	-45	1	▲	4	▲	-7	▼	-38	-37	-36	-30	-22
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	139	2	▲	40	▲	38	▲	136	131	126	123	121
					Hmin	23	1	▲	11	▲	-6	▼	26	29	32	35	38
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	162	4	▲	31	▲	59	▲	159	154	149	146	144
					Hmin	-31	3	▲	3	▲	-15	▼	-24	-23	-22	-16	-8
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	174	4	▲	43	▲	76	▲	171	166	161	158	156
					Hmin	-44	4	▲	0	◀▶	8	▲	-37	-36	-35	-29	-21
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	156	2	▲	33	▲	56	▲	153	148	143	140	138
					Hmin	-40	5	▲	6	▲	-11	▼	-33	-32	-31	-25	-17
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	52	6	▲	-6	▼	15	▲	60	65	65	60	55
					Hmin	20	10	▲	-10	▼	8	▲	34	39	37	32	27
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	40	6	▲	-19	▼	14	▲	55	60	60	55	50
					Hmin	33	11	▲	-11	▼	12	▲	40	55	55	50	45
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	44	8	▲	-23	▼	2	▲	64	69	69	64	59
					Hmin	36	12	▲	-18	▼	3	▲	44	59	59	54	49
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	45	7	▲	-24	▼	8	▲	65	70	70	65	60
					Hmin	38	14	▲	-18	▼	9	▲	45	60	60	55	50
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	53	8	▲	-16	▼	11	▲	70	75	75	70	65
					Hmin	45	11	▲	-14	▼	11	▲	53	68	68	63	58
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	61	5	▲	0	◀▶	24	▲	69	74	74	69	64
					Hmin	26	9	▲	-4	▼	12	▲	40	45	43	38	33
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	76	4	▲	2	▲	44	▲	84	89	89	84	79
					Hmin	57	7	▲	6	▲	36	▲	67	70	67	62	57
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	58	6	▲	-7	▼	15	▲	66	71	71	66	61
					Hmin	49	14	▲	-3	▼	17	▲	59	62	59	54	49
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	56	6	▲	2	▲	35	▲	61	64	60	56	52
					Hmin	45	9	▲	8	▲	31	▲	57	59	55	51	46
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	94	5	▲	5	▲	42	▲	99	102	98	94	90
					Hmin	74	7	▲	10	▲	39	▲	86	88	84	80	75
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	124	5	▲	20	▲	56	▲	132	137	137	132	127
					Hmin	64	9	▲	8	▲	29	▲	78	81	79	74	69
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	89	4	▲	6	▲	33	▲	97	102	102	97	92
					Hmin	59	8	▲	7	▲	22	▲	73	78	76	71	66

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	72	4	▲	2	▲	20	▲	77	80	76	72	68
					Hmin	55	7	▲	6	▲	20	▲	63	68	64	60	55
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	53	5	▲	-2	▼	19	▲	58	61	57	53	49
					Hmin	42	6	▲	6	▲	27	▲	50	55	51	47	42
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	35	5	▲	0	◀▶	3	▲	45	48	44	40	35
					Hmin	26	18	▲	21	▲	54	▲	30	33	30	20	10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	81	-11	▼	41	▲	40	▲	71	61	51	41	35
					Hmin	-46	-3	▼	-11	▼	-8	▼	-40	-29	-26	-25	-24

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





